

Bản án số: **148/2024/DS-PT**

Ngày: 05 - 8- 2024

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Nhum

Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 57/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2024/QĐXX-PT ngày 03/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Tiến T, sinh năm 1959; cư trú tại: QL13, khu phố 10, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Thanh S, sinh năm 1980, cư trú tại: Khu phố NH, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Lan P, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

Ông Dương H, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng cư trú tại: Ấp 6A, xã LT, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Lan P, ông Dương H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Tiến T là ông Ngô Thanh S trình bày:

Ngày 02 tháng 10 năm 2015 bà Trần Thị Lan P và ông Dương H có vay của ông T số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và có hạn đến ngày 02 tháng 11 năm 2015 sẽ trả lại số tiền trên (có giấy mượn tiền viết tay của bà P); Ngày 28 tháng 01 năm 2016 ông Dương H có vay của ông T số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng) và cũng hạn chỉ vài ngày sẽ trả lại số tiền trên (có giấy mượn tiền viết tay của ông H). Quá thời gian hạn trả nợ ông T đã gặp bà P và ông H để yêu cầu trả lại số tiền đã mượn trước đó nh bà P và ông H cứ hạn hết lần này đến lần khác và cũng không thực hiện việc trả nợ cho ông T; Trong đơn khởi kiện ông T yêu cầu bà Trần Thị Lan P và ông Dương H trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/10/2015 đến 02/7/2022 là 276.000.000 đồng. Và trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/01/2016 đến 28/7/2022 là 26.400.000 đồng. Tổng gốc và lãi của hai khoản vay trên là: 742.400.000 đồng

Tại phiên tòa ngày 27/02/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải có nghĩa vụ trả cho ông Hà Tiến T tiền lãi của 440.000.000 đ tính từ ngày 02/10/2015 đến ngày 02/7/2022 theo mức lãi suất 10%/1 năm) là: 302.400.000 đồng. Ông T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải liên đới trả toàn bộ số tiền đã vay 02 (hai) lần với tổng số tiền là: 440.000.00 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Dương H trình bày: Ông H và bà P khi còn là vợ chồng có vay của ông Hà Tiến T số tiền như sau:

Ngày 02 tháng 10 năm 2015 bà Trần Thị Lan P và ông Dương H có vay của ông T số tiền 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) và có hạn đến ngày 02 tháng 11 năm 2015 sẽ trả lại số tiền trên (có giấy mượn tiền viết tay của bà P).

Ngày 28 tháng 01 năm 2016 ông Dương H có vay của ông T số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng) và cũng hạn chỉ vài ngày sẽ trả lại số tiền trên (có giấy mượn tiền viết tay của ông H). Khi đến thời hạn trả nợ, ông H đã trả tiền cho ông T tại phòng làm việc của ông T ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh L và trả 01 mặt bàn ghế bằng gỗ gõ đỏ do ông Ngô Thanh S chở xuống nhà cho ông T ở thị xã C, tỉnh Bình Phước để cầm trừ số tiền nợ 40.000.000 đồng. Khi ông H trả tiền cho ông T thì hai bên không làm biên nhận hay giấy tờ gì. Khi ông H giao bàn ghế cho ông S chở xuống nhà ông T thì ông H không nói cho ông S biết mục đích giao mặt bàn cho ông T là để trả

nợ cho ông T. Nên ông H và bà P không còn nợ của ông T khoản tiền 440.000.000 đồng này.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải liên đới trả toàn bộ số tiền đã vay 02 (hai) lần với tổng số tiền là 440.000.00 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) thì ông H không đồng ý liên đới cùng với bà P trả cho ông T số tiền là: 440.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Lan P trình bày: Bà P thống nhất là bà P và ông Dương H khi còn là vợ chồng có vay của ông Hà Tiến T số tiền như sau:

Ngày 02 tháng 10 năm 2015 bà Trần Thị Lan P và ông Dương H có vay của ông T số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và có hẹn đến ngày 02 tháng 11 năm 2015 sẽ trả lại số tiền trên (có giấy mượn tiền viết tay của bà P).

Ngày 28 tháng 01 năm 2016 ông Dương H có vay của ông T số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng) và cũng hẹn chỉ vài ngày sẽ trả lại số tiền trên (có giấy mượn tiền viết tay của ông H). Khi đến thời hạn trả nợ, bà P đã đưa cho ông H 400.000.000 đồng để trả nợ cho ông T đồng thời ông H đã trả số tiền 40.000.000 đồng cho ông T nên ông H và bà P không còn nợ của ông T khoản tiền 440.000.000 đồng này.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải liên đới trả toàn bộ số tiền đã vay 02 (hai) lần với tổng số tiền là 440.000.00 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) thì bà P không đồng ý cùng với ông H liên đới trả cho ông T số tiền là: 440.000.000 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải liên đới trả lại toàn bộ số tiền là: 440.000.00 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) cho ông Hà Tiến T.

- Đình chỉ xét xử đối với việc buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải có nghĩa vụ trả cho ông Hà Tiến T tiền lãi của 440.000.000đ tính từ ngày 02/10/2015 đến ngày 02/7/2022 theo mức lãi suất 10%/1 năm) là: 302.400.000 đồng

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/3/2024 bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của BLTTDS năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại điều 296 BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo nội dung đơn khởi kiện ông Hà Tiến T khởi kiện yêu cầu các bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H trả số tiền gốc 400.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/10/2015 đến 02/7/2022 là 276.000.000đồng. Và trả số tiền gốc 40.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/01/2016 đến 28/7/2022 là 26.400.000đồng. Tổng gốc và lãi của hai khoản vay trên là: 742.400.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông H và bà P đề nghị Tòa án nhân dân huyện L ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do hết thời hiệu khởi kiện.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải có nghĩa vụ trả cho ông Hà Tiến T tiền lãi của 440.000.000 đ tính từ ngày 02/10/2015 đến ngày 02/7/2022 theo mức lãi suất 10%/1 năm) là: 302.400.000 đồng. Ông T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải liên đới trả lại tài sản là toàn bộ số tiền (nợ gốc) mà bà P và ông H đã nhận 02 (hai) lần với tổng số tiền là: 440.000.00đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm đã xác định đây là quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu không áp dụng trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác. Do đó ông T có quyền khởi kiện ông H, bà P yêu cầu đòi tài sản (nợ gốc) và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc hay không.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 02 tháng 10 năm 2015 bà Trần Thị Lan P và ông Dương H có vay của ông T số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và có hẹn đến ngày 02 tháng 11 năm 2015 sẽ trả lại số tiền trên (có giấy mượn tiền viết tay của bà P) và ngày 28 tháng 01 năm 2016 ông Dương H có vay của ông T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và cũng hẹn chỉ vài ngày sẽ trả lại số tiền trên (có giấy mượn tiền viết tay của ông H).

Tuy nhiên, ông T cho rằng ông H và bà P chưa trả số tiền 440.000.0000 đồng nên khởi kiện đòi lại số tiền này, còn ông H và bà P thì cho rằng khi đến hạn trả nợ, ông H đã trả tiền cho ông T tại phòng làm việc của ông T ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh L và trả 01 mặt bàn bằng gỗ gõ đỏ do ông Ngô Thanh S chở xuống nhà cho ông T ở thị xã C, tỉnh Bình Phước để cầm trừ số tiền nợ 40.000.000 đồng. Khi ông H trả tiền cho ông T thì hai bên không làm biên nhận hay giấy tờ gì. Khi ông H giao 01 mặt bàn cho ông S chở xuống nhà ông T thì ông H không nói cho ông S biết mục đích giao cho ông T là để trả nợ cho ông T. Tuy nhiên ông T và ông S không thừa nhận việc ông H đã trả số tiền 400.000.000 đồng cho ông T và cũng không thừa nhận có sự việc ông H đã giao 01 mặt bàn bằng gỗ gõ đỏ cho ông Ngô Thanh S chở xuống nhà ông T ở thị xã C, tỉnh Bình Phước để cầm trừ số tiền nợ 40.000.000 đồng.

Xét thấy, ông H, bà P chỉ trình bày ý kiến mà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả tiền cho ông T và lời trình bày của ông H, bà P không được ông T, ông S thừa nhận. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận việc còn nợ ông T 440.000.000 đồng và xin người đại diện theo ủy quyền ông T là ông S trả dần NH không được ông S đồng ý. Do vậy Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Tiến T và buộc bị đơn ông Dương H và bà Trần Thị Lan P trả lại toàn bộ số tiền (nợ gốc) là: 440.000.00 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) cho ông Hà Tiến T là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H không được chấp nhận nên phần án phí được nhận định tại bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên phải chịu.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H;

Giữ nguyên Bản án dân sự số 07/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 điều 155, khoản 2 Điều 164, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải liên đới trả lại toàn bộ số tiền là: 440.000.00 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) cho ông Hà Tiến T.

- Đình chỉ xét xử đối với việc buộc bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải có nghĩa vụ trả cho ông Hà Tiến T tiền lãi của 440.000.000 đồng tính từ ngày 02/10/2015 đến ngày 02/7/2022 theo mức lãi suất 10%/1 năm) là: 302.400.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Lan P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn ông Hà Tiến T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Lan P và ông Dương H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006152 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện L;
- TAND huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Ninh